

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist) được thành lập trên cơ sở đổi tên Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Tsan Quay Liang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Ông: Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Ông: Nguyễn Phong Phú	Thành viên	
Bà: Dương Thục Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2016)
Ông: Trần Hoàng Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Vũ Thị Thúy Mai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2016)
Ông: Lương Võ Hùng	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Ông: Hồ Kiên Cường	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hồ Kiên Cường	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2015)
Ông: Đặng Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2015)
Bà: Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Bà: Lê Thị Mộng Thu	Giám đốc Tài chính	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2015)
Ông: Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phạm Ngọc Thanh Mai	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Bùi Thị Thúy Hằng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)

Ông: Phạm Trung Kiên Thành viên (Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)
Bà: Lại Thị Tuyết Thành viên (Từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2015)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Chay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tsan Quay Liang

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 738 /2016/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5-C
TY
M HUU
KIEM T
AS
KIEM

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.313.240.515	17.049.123.446
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.787.155.905	4.016.550.065
111	1. Tiền		2.787.155.905	4.016.550.065
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.465.713.346	10.042.832.302
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	5.771.565.163	1.861.985.299
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		13.839.477.017	482.175.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	8.924.854.166	8.419.572.299
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.183.000)	(720.900.496)
140	IV. Hàng tồn kho	08	857.030.015	1.755.292.873
141	1. Hàng tồn kho		857.030.015	1.755.292.873
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.203.341.249	1.234.448.206
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.767.694.265	450.926.278
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.813.198.398	307.378.533
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	622.448.586	476.143.395
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		249.795.079.752	183.739.859.171
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.250.576.800	3.805.386.800
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	4.250.576.800	3.805.386.800
220	II. Tài sản cố định		92.196.419.667	94.175.759.455
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	35.673.056.977	36.117.435.089
222	- Nguyên giá		60.665.408.949	60.043.825.626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.992.351.972)	(23.926.390.537)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	56.523.362.690	58.058.324.366
228	- Nguyên giá		65.887.626.817	65.887.626.817
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.364.264.127)	(7.829.302.451)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		56.047.990.204	25.580.616.884
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	56.047.990.204	25.580.616.884
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	91.191.184.955	53.718.831.894
251	1. Đầu tư vào công ty con		71.107.943.490	18.696.353.490
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.772.623.054	37.002.623.054
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.195.800.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.689.381.589)	(3.175.944.650)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.108.908.126	6.459.264.138
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.108.908.126	6.459.264.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		288.108.320.267	200.788.982.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	Đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		150.663.563.635	63.651.979.709
310	I. Nợ ngắn hạn		105.198.564.436	51.558.097.111
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	18.836.366.276	1.796.333.660
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.270.468.694	555.878.606
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	199.047.501	316.998.804
314	4. Phải trả người lao động		-	2.984.443
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	416.756.610	431.332.929
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	19.978.283.741	20.554.568.669
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	62.233.524.243	27.900.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		264.117.371	-
330	II. Nợ dài hạn		45.464.999.199	12.093.882.598
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	917.770.000	1.193.882.598
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	44.547.229.199	10.900.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.444.756.632	137.137.002.908
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	137.444.756.632	137.137.002.908
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		130.000.000.000	130.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		130.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		910.000.000	910.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(184.899.106)	(492.652.830)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(492.652.830)	(937.670.511)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		307.753.724	445.017.681
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		288.108.320.267	200.788.982.617

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Nguyễn Đức Hiệp

Nguyễn Đức Hiệp

Tsan Quay Liang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	43.862.053.131	29.167.176.695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.862.053.131	29.167.176.695
11	4. Giá vốn hàng bán	21	43.560.601.014	19.098.931.016
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		301.452.117	10.068.245.679
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	20.156.313.928	6.616.451.719
22	7. Chi phí tài chính	23	6.668.105.688	4.225.643.050
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.546.152.749	4.134.958.844
24	8. Chi phí bán hàng		1.703.343.489	931.893.068
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	12.764.362.721	11.320.855.178
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(678.045.853)	206.306.102
31	11. Thu nhập khác	25	1.915.570.417	257.220.103
32	12. Chi phí khác	26	736.055.816	342.154.888
40	13. Lợi nhuận khác		1.179.514.601	(84.934.785)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		501.468.748	121.371.317
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	193.715.024	(323.646.364)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>307.753.724</u>	<u>445.017.681</u>

Người lập biểu

Nguyễn Đức Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Hiệp

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Tsan Quay Liang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		501.468.748	121.371.317
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(10.198.481.241)	7.055.293.478
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.328.381.836	3.374.432.855
03	- Các khoản dự phòng		1.582.367.856	(472.354.899)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.077.525)	(3.553.140)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.650.306.157)	21.809.818
06	- Chi phí lãi vay		4.546.152.749	4.134.958.844
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.697.012.493)	7.176.664.795
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(22.980.496.300)	(7.083.670.563)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		898.262.858	(227.086.382)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.762.533.628	1.759.431.844
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(966.411.975)	(1.120.050.955)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		16.380.000.000	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.327.604.472)	(4.133.174.187)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(89.169.078)	(134.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.019.897.832)	(3.761.885.448)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.135.776.678)	(122.160.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		425.000.000	4.977.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	141.146.250
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(52.411.590.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.817.284.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.109.755.383	2.848.183.696
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(67.195.327.295)	2.872.146.946



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		116.354.325.262	46.200.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(48.373.571.820)	(42.112.353.100)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.990.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		67.980.753.442	4.083.656.900
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.234.471.685)	3.193.918.398
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.016.550.065	819.078.527
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.077.525	3.553.140
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	2.787.155.905	4.016.550.065

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Nguyễn Đức Hiệp

Nguyễn Đức Hiệp



Tsan Quay Liang

1.001.11
CÔNG
TACH NHIE
ANG KI
AA
PHAN KIE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist) được thành lập trên cơ sở đổi tên Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 130.000.000.000 đồng; tương đương 13.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại TPHCM);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Kinh doanh bất động sản: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại. Cho thuê văn phòng;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh (không hoạt động tại TP HCM); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở);

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Trong năm, Công ty thực hiện sửa chữa lớn tại Khách sạn Golf Cần Thơ thuộc Chi nhánh Cần Thơ của Công ty. Thời gian thi công sửa chữa bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2015, do vậy tại Chi nhánh Cần Thơ chỉ phát sinh doanh thu của quý I năm 2015 làm giảm kết quả của hoạt động kinh doanh khách sạn của Công ty. Tuy nhiên năm 2015 Công ty phát triển mạnh dịch vụ lữ hành và tổ chức tour du lịch nên doanh thu năm nay vẫn tăng so với năm trước.



- Để đảm bảo nguồn vốn cho Dự án sửa chữa Khách sạn Golf Cần Thơ, Công ty đã thực hiện vay ngắn hạn các đối tác, dẫn đến chi tiêu Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn, có dấu hiệu không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tập đoàn Thành Thành Công đã có cam kết tài trợ vốn cho dự án Khách sạn Golf Cần Thơ, do vậy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán trong thời gian tới.
- Ngày 15/09/2015, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chính thức chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại Quảng Nam theo Thông báo số 792/TB-DKKD của phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Nam.
- Ngày 19 tháng 11 năm 2015, Công ty thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng - Khách sạn Golf 1, chi nhánh hạch toán trực thuộc Công ty từ ngày 01/01/2016.
- Trong năm, theo Quyết định số 17/2015/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đầu tư góp vốn tại các Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tàu Du lịch Năm sao, Công ty Cổ phần Giải trí thể thao Minh Đạm cho cá nhân Bà Hứa Kim Ngọc. Đồng thời Công ty thực hiện nhận chuyển nhượng 57% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre. Từ ngày 30/11/2015, Công ty Cổ phần Bến Tre chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Cần Thơ	Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đang hợp tác kinh doanh dịch vụ trò chơi có thưởng với Công ty Cổ phần Việt Hải Đăng Cần Thơ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14/HĐ-Golf.HTKD-2010 ngày 1/4/2010. Hợp đồng này được triển khai theo hình thức kinh doanh đồng kiểm soát, theo đó:

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công cung cấp mặt bằng kinh doanh diện tích 577m², trang thiết bị có sẵn. Hai Công ty cùng thành lập Ban quản lý để điều hành hoạt động kinh doanh, Ban quản lý có trách nhiệm báo cáo cho 2 bên về tình hình hoạt động kinh doanh theo định kỳ mỗi tháng 1 lần. Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được hưởng tiền khoản lợi nhuận hàng tháng và các khoản phí dịch vụ khác theo thỏa thuận do Công ty Cổ phần Việt Hải Đăng Cần Thơ chi trả mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Dự án.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.20. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	65.887.798	118.903.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	2.721.268.107	3.897.646.478
	2.787.155.905	4.016.550.065

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tiền gửi ngân hàng của Công ty đang theo dõi trên sổ kế toán bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn có tổng số dư là: 2.221.268.107 đồng và 500.000.000 đồng tiền ký quỹ kinh doanh lưu hành quốc tế tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo quy định tại thông tư số 34/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	71.107.943.490	(2.669.712.239)	18.696.353.490	-
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam	5.615.201.228	(2.669.712.239)	5.615.201.228	-
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	13.081.152.262	-	13.081.152.262	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (1)	52.411.590.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	24.772.623.054	(2.019.669.350)	37.002.623.054	(3.175.944.650)
- Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu (2)	-	-	11.600.000.000	(306.401.185)
- Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn (2)	-	-	630.000.000	(313.958.117)
- Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	24.772.623.054	(2.019.669.350)	24.772.623.054	(2.555.585.348)
Các khoản đầu tư khác	-	-	1.195.800.000	-
- Công ty Cổ phần tàu du lịch Năm Sao (2)	-	-	800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (2)	-	-	395.800.000	-
	95.880.566.544	(4.689.381.589)	56.894.776.544	(3.175.944.650)

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	51,36%	51,36%	Dịch vụ Khách sạn

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con:

(1) Theo Quyết định số 37/2015/QĐ-HĐQT ngày 11/12/2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre. Theo đó căn cứ trên Hợp đồng chuyển nhượng và thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần ngày 11/12/2015 (đã có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre), thì Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công nhận chuyển nhượng 2.495.790 cổ phần từ đối tác. Đến thời điểm phát hành báo cáo Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công đã có Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đối với số cổ phần trên.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49%	49%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác:

(2) Theo Quyết định số 17/2015/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đầu tư góp vốn tại các Công ty CP Du lịch Golf Vũng Tàu, Công ty CP Du lịch Golf Sài Gòn, Công ty CP Tàu Du lịch Năm Sao, Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm cho đối tác. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam	2.272.764.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Thọại	62.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	42.196.000	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	26.005.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.368.600.163	1.861.985.299
	5.771.565.163	1.861.985.299

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu liên quan đến các Hợp đồng hợp tác kinh doanh	430.266.405	-	769.430.134	-
+ DNTN Thương mại và Dịch vụ Thủy Lộc	-	-	61.644.362	-
+ Công ty cổ phần Việt Hải Đăng Cần Thơ	430.266.405	-	707.785.772	-
- Phải thu tiền tạm ứng CBCNV đã nghỉ việc	-	-	488.568.031	408.600.111
- Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5.354.592.230	-	5.354.592.230	-
- Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay	1.814.800.391	-	454.142.998	-
- Phải thu người lao động tiền tạm ứng	127.516.379	-	437.950.441	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	4.890.000	-
- Phải thu khác	1.197.678.761	-	909.998.465	157.133.844
	8.924.854.166	-	8.419.572.299	565.733.955
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	4.250.576.800	-	3.805.386.800	-
	4.250.576.800	-	3.805.386.800	-

(*) Khoản phải thu liên quan đến số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Huỳnh Bá Phụng	-	-	235.000.559	43.000.279
+ Ngô Đình Long	-	-	207.057.168	99.287.849
+ Trần Ngọc Nam	-	-	86.575.232	-
+ Các đối tượng khác	70.183.000	-	388.919.682	54.364.017
	70.183.000	-	917.552.641	196.652.145

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	294.588.437	-	116.878.254	-
- Công cụ, dụng cụ	365.053.100	-	1.344.546	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	233.124.507	-
- Hàng hóa	197.388.478	-	1.403.945.566	-
	857.030.015	-	1.755.292.873	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự án đầu tư khách sạn Golf 1 mới ⁽¹⁾ ;	25.534.093.368	25.534.093.368
+ Chi phí lãi vay từ khoản vay ngân hàng để trả tiền thuê đất trong 50 năm	11.988.296.157	11.988.296.157
+ Chi phí khấu hao tài sản cố định là quyền sử dụng đất	3.036.960.000	3.036.960.000
+ Chi phí thanh lý hợp đồng thuê đất trước hạn	5.999.000.000	5.999.000.000
+ Chi phí khác	4.509.837.211	4.509.837.211
- Dự án Bến Đầm Côn Đảo	-	46.523.516
- Dự án sửa chữa cải tạo khách sạn Golf Cần Thơ ⁽²⁾	30.513.896.836	-
	56.047.990.204	25.580.616.884

⁽¹⁾ Dự án Khách sạn Golf 1 (mới) tiêu chuẩn 4 sao dự kiến đầu tư xây dựng tại khu đất ở vị trí Khách sạn Golf 1 (cũ) thuộc Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Công tác chuẩn bị đầu tư (thủ tục thuê đất, thiết kế,...) đã hoàn thành nhưng đến thời điểm hiện tại Dự án chưa tiếp tục được triển khai do khó khăn trong việc kêu gọi các nhà đầu tư tham gia góp vốn xây dựng. Các chi phí liên quan đến dự án tập hợp toàn bộ cho dự án bao gồm cả chi phí lãi vay trả tiền thuê đất một lần, chi phí bồi thường khi thanh lý hợp đồng thuê đất (cũ) trước hạn. Tại ngày 23/7/2015 Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án chuyển nhượng dự án (chi tiết xem thuyết minh số 32)

⁽²⁾ Dự án sửa chữa cải tạo khách sạn Golf Cần Thơ tổng mức đầu tư 69,2 tỷ đồng, với mục đích mở rộng quy mô cung cấp dịch vụ như: Khách sạn đẳng cấp 4 sao, cao 10 tầng, bao gồm 105 phòng được trang bị tiện nghi, cùng với nhà hàng có sức chứa 250 khách và trung tâm hội nghị có sức chứa 600 khách. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào năm 2016.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	53.444.329.671	1.807.818.529	3.150.066.044	1.641.611.382	60.043.825.626
- Mua trong năm	-	348.657.000	1.278.518.182	-	1.627.175.182
- Thanh lý, nhượng bán	(359.645.100)	-	(645.946.759)	-	(1.005.591.859)
Số dư cuối năm	53.084.684.571	2.156.475.529	3.782.637.467	1.641.611.382	60.665.408.949
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.259.009.159	1.505.486.603	1.804.673.490	1.357.221.285	23.926.390.537
- Khấu hao trong năm	1.136.323.611	86.415.058	493.154.540	77.526.951	1.793.420.160
- Thanh lý, nhượng bán	(81.511.966)	-	(645.946.759)	-	(727.458.725)
Số dư cuối năm	20.313.820.804	1.591.901.661	1.651.881.271	1.434.748.236	24.992.351.972
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	34.185.320.512	302.331.926	1.345.392.554	284.390.097	36.117.435.089
Tại ngày cuối năm	32.770.863.767	564.573.868	2.130.756.196	206.863.146	35.673.056.977

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.819.302.334 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cần Thơ và Đà Lạt đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường của Tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, đất tại Cần Thơ có thời hạn sử dụng 40 năm, đất tại Đà Lạt có thời hạn sử dụng 50 năm.
- Tại thời điểm 31/12/2015, Nguyên giá của 2 lô đất này là: 65.887.626.817 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là: 9.364.264.127 đồng, trong đó giá trị khấu hao năm 2015 là: 1.534.961.676 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để đảm bảo các khoản vay: 22.608.480.000 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.537.872.048	237.442.220
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	141.621.300	171.922.642
- Các khoản khác	88.200.917	41.561.416
	1.767.694.265	450.926.278
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.740.272.662	1.831.546.795
- Chi phí thuê đất khách sạn Golf 1	1.230.000.315	1.390.000.252
- Chi phí phần mềm máy tính	71.729.114	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.066.906.035	3.237.717.091
	6.108.908.126	6.459.264.138

TY
H HUU HA
EM TO
ASC
IEM - T

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	26.000.000.000	26.000.000.000	70.063.679.477	37.923.571.820	58.140.107.657	58.140.107.657
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt	500.000.000	500.000.000	5.847.284.160	6.347.284.160	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Thành (1)	-	-	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Đắk Lắk (2)	-	-	18.646.395.317	6.076.287.660	12.570.107.657	12.570.107.657
+ Đặng Nhân Dung	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
+ Tạ Thị Phương Trang	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
+ Nguyễn Thủy Hằng (3)	-	-	13.620.000.000	-	13.620.000.000	13.620.000.000
+ CTCP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (3)	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công (4)	-	-	31.500.000.000	-	31.500.000.000	31.500.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.900.000.000	1.900.000.000	4.093.416.586	1.900.000.000	4.093.416.586	4.093.416.586
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Đắk Lắk	-	-	4.093.416.586	-	4.093.416.586	4.093.416.586
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt	12.800.000.000	12.800.000.000	-	12.800.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk (5)	-	-	46.290.645.785	1.150.000.000	45.140.645.785	45.140.645.785
+ Tạ Thị Phương Trang (6)	-	-	4.000.000.000	500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
	27.900.000.000	27.900.000.000	74.157.096.063	39.823.571.820	62.233.524.243	62.233.524.243
	12.800.000.000	12.800.000.000	50.290.645.785	14.450.000.000	48.640.645.785	48.640.645.785
	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)	(4.093.416.586)	(1.900.000.000)	(4.093.416.586)	(4.093.416.586)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
	10.900.000.000	10.900.000.000			44.547.229.199	44.547.229.199

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay thấu chi số 01/2015/1281281110/HĐTĐ ngày 09/02/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời để thanh toán cho nhà cung cấp;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi;
- + Phương thức bảo đảm: Hợp đồng tiền gửi số 102/2014/HĐTĐ-PGDĐT, kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 23/12/2014 do BIDV Bến Thành phát hành;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 450.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 140/2015/HĐTĐTM-DN ngày 25/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 6 tháng VNĐ do ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi biên độ tối thiểu 2,5%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay và bên thứ ba bao gồm: (i) Bất động sản tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A địa chỉ Phường 2, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; (ii) 5.000.000 Cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 12.570.107.657 đồng.

(3) Hợp đồng vay vốn ngày 11/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 13.620.000.000 đồng.

(4) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công bao gồm 8 Hợp đồng tín dụng cụ thể: HĐ số 36/2015/HĐCV ngày 08/06/2015; HĐ số 51/2015/HĐCV ngày 31/07/2015; HĐ số 56/2015/HĐCV ngày 12/08/2015; HĐ số 58/2015/HĐCV ngày 18/08/2015; HĐ số 69/2015/HĐCV ngày 28/09/2015; HĐ số 74/2015/HĐCV ngày 25/11/2015; HĐ số 75/2015/HĐCV ngày 08/12/2015; HĐ số 83/2015/HĐCV ngày 29/12/2015. Với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: từ 01 tháng - 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 10,5%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 31.500.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk gồm 3 hợp đồng tín dụng cụ thể: HĐ số 0064.02/2015/HĐTĐ-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.03/2015/HĐTĐ-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.04/2015/HĐTĐ-DN ngày 09/06/2015. Với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 61.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: sửa chữa, nâng cấp khách sạn Golf 1, Golf 3 tại Đà Lạt;
- + Thời hạn cho vay: từ 60 tháng đến 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm cố định trong 6 tháng đầu, từ tháng 7 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là quyền sử dụng đất tại Phường 2-TP Đà Lạt (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 45.140.645.785 đồng; Trong đó: Số gốc vay đến hạn trả trong năm 2016 là 4.093.416.586 đồng.

(6) Hợp đồng tín dụng số 36A/HDVV-GOLF ngày 26/12/2014 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ-DLTTC ngày 26/04/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư;
- + Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày 26/04/2015;
- + Lãi suất cho vay: 10%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 3.500.000.000 đồng; Trong đó: Số gốc vay đến hạn trả trong năm 2016 là 0 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật xây dựng Toàn Thịnh Phát	5.125.932.373	5.125.932.373	-	-
- Châu Thị Vân	12.411.590.000	12.411.590.000	-	-
- Công ty CP Phát triển Du lịch Cam Ranh	123.168.000	123.168.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.175.675.903	1.175.675.903	1.796.333.660	1.796.333.660
	18.836.366.276	18.836.366.276	1.796.333.660	1.796.333.660

111105
CÔNG T
NHIỆM H
G KIỂM
AAS
KIỂM

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.760.151.212	2.225.371.141	465.219.929	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	42.942.587	392.940.418	386.650.489	-	49.232.516
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	476.143.395	214.368.792	193.715.024	89.169.078	157.228.657	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	59.687.425	467.370.669	377.243.109	-	149.814.985
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	34.440.000	34.440.000	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-
	476.143.395	316.998.804	2.849.617.323	3.113.873.817	622.448.586	199.047.501

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	416.756.610	198.208.333
- Trích trước chi phí tổ chức tour du lịch theo hợp đồng	-	233.124.596
	416.756.610	431.332.929

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.194.660	9.194.660
- Kinh phí công đoàn	89.564.843	27.521.137
- Bảo hiểm xã hội	60.478.869	21.131.189
- Bảo hiểm thất nghiệp	45.769.719	15.359.214
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	34.112.598	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.132.524.541	8.132.524.541
- Các khoản phải trả phải nộp khác	11.606.638.511	12.348.837.928
+ Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt tiền chi hộ	5.662.328.047	5.188.108.185
+ Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ	2.959.300.882	3.895.648.882
+ Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam thu nhập từ đền bù phá vỡ hợp đồng của Công ty CP cấp thoát nước Quảng Nam	1.650.000.000	1.650.000.000
+ Quỹ phục vụ	1.169.738.885	1.527.870.416
+ Phải trả khác	165.270.697	87.210.445
	19.978.283.741	20.554.568.669
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	917.770.000	1.193.882.598
	917.770.000	1.193.882.598



18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận	Cộng
	của chủ sở hữu	vốn cổ phần	phát triển	tài chính (*)	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	910.000.000	5.743.534.499	1.337.059.509	(476.321.915)	137.514.272.093
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	445.017.681	445.017.681
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(461.348.596)	(461.348.596)
Giảm khác	-	-	976.121.239	(1.337.059.509)	-	(360.938.270)
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	-	(492.652.830)	137.137.002.908
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	-	(492.652.830)	137.137.002.908
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	307.753.724	307.753.724
Số dư cuối năm nay	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	-	(184.899.106)	137.444.756.632

(*): Số dư Quỹ Dự phòng tài chính tại ngày 01/01/2015 được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC (xem chi tiết tại Thuyết minh 34)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	51.051.000.000	39,27%	51.051.000.000	39,27%
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	32.370.000.000	35,83%	32.370.000.000	35,83%
Tạ Thị Phương Trang	20.085.000.000	15,45%	20.085.000.000	15,45%
Vốn góp của cổ đông khác	26.494.000.000	20,38%	26.494.000.000	20,38%
	130.000.000.000	100%	130.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	130.000.000.000	130.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	130.000.000.000	130.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.719.655.738	6.719.655.738
	6.719.655.738	6.719.655.738

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2015	01/01/2015
- Đô la Mỹ	USD	2.543,64	12.987,11

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Huỳnh Bá Phụng	235.000.559	-
- Ngô Đình Long	207.057.168	-
- Nhà Máy Điện Hậu Giang	89.430.165	-
- Trần Ngọc Nam	86.575.232	-
- Các đối tượng khác	639.001.270	181.525.395
	1.257.064.394	181.525.395

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	3.011.998.960	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.150.054.171	29.167.176.695
- Doanh thu hàng hóa bất động sản	1.700.000.000	-
	43.862.053.131	29.167.176.695

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.738.671.535	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.527.243.468	19.098.931.016
- Giá vốn hàng hóa Bất động sản	1.294.686.011	-
	43.560.601.014	19.098.931.016

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.417.104	10.139.023
- Lãi bán các khoản đầu tư	16.380.000.000	7.146.250
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.709.032.390
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.520	1.759.604
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.077.525	3.553.140
- Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	3.728.174.550	3.884.821.312
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	642.229	-
	20.156.313.928	6.616.451.719

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Lãi tiền vay	4.546.152.749	4.134.958.844
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	608.516.000	-
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	1.513.436.939	59.315.600
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.368.606
- Chi phí tài chính khác	-	30.000.000
	6.668.105.688	4.225.643.050

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.990.539	196.407.037
- Chi phí nhân công	6.955.207.924	5.096.410.421
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	616.894.412	1.159.100.272
- Chi phí dự phòng	68.930.917	75.013.901
- Thuế, phí, và lệ phí	31.762.226	196.079.117
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.674.033.233	1.093.389.330
- Chi phí khác bằng tiền	3.347.543.470	3.504.455.100
	12.764.362.721	11.320.855.178

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Lãi thanh lý Tài sản cố định	108.230.503	4.524.545
- Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	493.609.894	-
- Tiền phạt thu được	115.256.378	-
- Thu nhập từ điện nước dịch vụ cho thuê mặt bằng	705.460.921	226.233.109
- Thu nhập khác	493.012.721	26.462.449
	1.915.570.417	257.220.103

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Chi phí phạt vi phạm về thuế	4.800.000	113.835.008
- Đền bù cho bên thuê mặt bằng do thanh lý trước thời hạn	549.999.994	-
- Giảm tiền thuê mặt bằng do sửa chữa khách sạn	57.866.078	-
- Chi phí khác	123.389.744	228.319.880
	736.055.816	342.154.888

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	96.154.759	121.371.317
Các khoản điều chỉnh tăng	240.054.838	2.574.950.837
- Chi phí không hợp lệ	235.254.838	420.300.082
- Phí phục vụ phát sinh năm 2014 và các năm trước chưa chi cho CBNV	-	2.040.815.747
- Các khoản phạt	4.800.000	113.835.008
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.709.032.390)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(2.709.032.390)
Thu nhập chịu thuế TNDN	336.209.597	(12.710.236)
Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	73.966.111	-
Các khoản điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	30.579.835	180.633.086
Các khoản điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(504.279.450)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	104.545.946	(323.646.364)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(263.519.989)	194.126.375
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(134.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	(158.974.043)	(263.519.989)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	405.313.989	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	405.313.989	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	89.169.078	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	1.745.386	1.745.386
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(89.169.078)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	1.745.386	1.745.386
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	193.715.024	(323.646.364)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(157.228.657)	(261.774.603)
28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.601.161.402	6.871.770.955
- Chi phí nhân công	11.952.987.166	9.724.623.943
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.328.381.836	3.374.432.855
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.135.697.484	7.915.726.319
- Chi phí khác bằng tiền	3.557.726.113	4.818.300.652
57.575.954.001	32.704.854.724	

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.787.155.905	-	4.016.550.065	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.946.996.129	(70.183.000)	14.086.944.398	(720.900.496)
Đầu tư dài hạn	-	-	1.195.800.000	-
	21.734.152.034	(70.183.000)	19.299.294.463	(720.900.496)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	106.780.753.442	38.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	39.732.420.017	23.544.784.927
Chi phí phải trả	416.756.610	431.332.929
	146.929.930.069	62.776.117.856

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.787.155.905	-	-	2.787.155.905
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.626.236.329	4.250.576.800	-	18.876.813.129
	17.413.392.234	4.250.576.800	-	21.663.969.034
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.016.550.065	-	-	4.016.550.065
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.560.657.102	3.805.386.800	-	13.366.043.902
Đầu tư dài hạn	-	1.195.800.000	-	1.195.800.000
	13.577.207.167	5.001.186.800	-	18.578.393.967

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	62.233.524.243	44.547.229.199	-	106.780.753.442
Phải trả người bán, phải trả khác	38.814.650.017	917.770.000	-	39.732.420.017
Chi phí phải trả	416.756.610	-	-	416.756.610
	101.464.930.870	45.464.999.199	-	146.929.930.069
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	27.900.000.000	10.900.000.000	-	38.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.350.902.329	1.193.882.598	-	23.544.784.927
Chi phí phải trả	431.332.929	-	-	431.332.929
	50.682.235.258	12.093.882.598	-	62.776.117.856

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (*)	116.354.325.262	46.200.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (*)	(48.373.571.820)	(42.112.353.100)

(*) Số tiền vay thực nhận và thực trả trong năm không bao gồm khoản vay chuyển từ ngắn hạn sang dài hạn của Bà Tạ Thị Phương Trang, số tiền: 4.000.000.000 đồng (chi tiết xem thuyết minh số 13).

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 21/2015/NQQ-HĐQT ngày 22/7/2015 của Hội đồng Quản trị, đã thông qua chủ trương về việc chuyển nhượng dự án Khách sạn Golf 1 - số 11 Đinh Tiên Hoàng, Phường 2, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng (chi tiết thuyết minh số 9). Hiện tại Công ty đã có thỏa thuận với đối tác về phương án chuyển giao và đang hoàn tất các thủ tục pháp lý, hồ sơ hoàn công làm cơ sở xác định giá trị chuyển giao.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
a/ Bảng Cân đối kế toán						
135	Các khoản phải thu khác	7.493.488.549	136	Phải thu ngắn hạn khác	8.419.572.299	(926.083.750) (1)
158	Tài sản ngắn hạn khác	442.840.441	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	442.840.441
218	Phải thu dài hạn khác	-	216	Phải thu dài hạn khác	3.805.386.800	(3.805.386.800)
268	Tài sản dài hạn khác	3.805.386.800	268	Tài sản dài hạn khác	-	3.805.386.800
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(483.243.309)	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(483.243.309) (1)
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	130.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	130.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	5.743.534.499	411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	130.000.000.000	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	976.121.239	418	Quỹ đầu tư phát triển	6.719.655.738	(976.121.239)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(492.652.830)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(492.652.830)	-
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(937.670.511)	-
			421b	LNST chưa phân phối năm nay	445.017.681	-
b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.654.880.083	01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.167.176.695	487.703.388 (2)
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	487.703.388	02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	487.703.388 (2)

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(1): Số liệu phân loại lại phải thu ngắn hạn khác đã bao gồm điều chỉnh hồi tố khoản chi quá quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 31/12/2014, số tiền: 483.243.309 đồng.

(2): Điều chỉnh hồi tố khoản thuế Tiêu thụ đặc biệt theo Thông tư 200/2014/TT-BTC được ghi giảm vào doanh thu không trình bày trên chi tiêu giảm trừ doanh thu, số tiền: 487.703.388 đồng.

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Đức Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Hiệp

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Tsan Quay Liang

